ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚC THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 159/TB-UBND	*Phúc Thuận, ngày 03 tháng 04 năm 2026*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Đức 1, địa bàn phường Phúc Thuận

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ luật Đất đai số: 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;

Căn cứ Nghị định số: 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ về việc quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số: 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ nghị định số: 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính Phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ sửa dổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng trình tự, thủ tục hành chính: Ủy quyền một số nội dung thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án phải thu hồi đất; danh mục các khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng xác định giá đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH 15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số: 1500/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Cụm công nghiệp Minh Đức 1, thành phố Phổ Yên;

Căn cứ Quyết định số: 1110/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chập thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số: 1046/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND phường Phúc Thuận về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Minh Đức 1;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Ủy ban nhân dân phường Phúc Thuận thông báo như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Đức 1, địa bàn phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

2. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Diện tích dự kiến thu hồi: 67,37 ha

- Vị trí: tại tờ bản đồ địa chính số: 12, 50, 60, 61, 70, 71, 179, 194, 195, 196, 197, 204, 205, 206 của phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên

- Loại đất đang sử dụng: Đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác, đất thủy lợi, đất giao thông,…

Số hộ bị ảnh hưởng dự kiến trên 500 hộ gia đình, cá nhân.

(Có phụ lục danh sách kèm theo)

3. Tiến độ thu hồi đất: Từ tháng 4 năm 2026. Thời gian cụ thể như sau:

- Đối với đất nông nghiệp là 90 ngày

- Đối với đất phi nông nghiệp là 180 ngày

4. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

- Trong thời gian bắt đầu từ tháng 4/2026 đến khi hoàn thành.

- Việc điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 87, Luật đất đai 2024.

5. Kế hoạch bố trí tái định cư, di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất:

- Đối với đất phi nông nghiệp là 180 ngày

- Thực hiện theo quy định tại Điều 111, Luật đất đai năm 2024.

6. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thực hiện theo tiến độ bồi thường, hỗ trợ GPMB

Các hộ gia đình cá nhân và tổ chức có tên trong phụ lục kèm theo có trách nhiệm phối hợp cùng Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực III, phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như mục 3;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG PHÚC THUẬN T.THỊ XÃ NGUYỄN

Dương Văn Diễn

PHỤ LỤC

(Kèm theo thông báo số: 159/TB-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2026 của UBND phường Phúc Thuận)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng	Ghi chú
1	Ngô Văn Đỗ	phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
2	UBND phường	phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
3	Vũ Thị Tâm	TDP 3, Phường Bắc Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
4	Bùi Văn Oánh	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
5	Chử Văn Thắng	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
6	Đỗ Văn Thắng	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
7	Dương Đình Năng	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
8	Dương Hồng Nhâm	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
9	Dương Thị Hậu	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
10	Dương Thị Hậu	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
11	Hoàng Thị Mai	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
12	Nguyễn Xuân Thìn	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
13	Phạm Thị Hương	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
14	Trần Quốc Hưng	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
15	Trần Thị Nội	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
16	Trần Thị Tám	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
17	Trần Trung Bẩy	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
18	Trần Văn Cường	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
19	Trần Văn Hải	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
20	Đỗ Thị Bẩy	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
21	Đỗ Thị Huyền	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
22	Đỗ Thị Khuyên	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
23	Đỗ Thị Lan	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
24	Đỗ Thị Xuyến	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
25	Đỗ Văn Bẩy	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
26	Đỗ Văn Dương	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
27	Đỗ Văn Tâm	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
28	Hoàng Đình Lan	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
29	Lê Văn Thái	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
30	Lưu Văn Đồng	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
31	Ngô Thị Huệ	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
32	Ngô Văn Độ	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

33	Ngô Văn Long	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
34	Ngô Văn Thường	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
35	Nguyễn Đăng Bắc	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
36	Nguyễn Duy Liệu	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
37	Nguyễn Duy Quân	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
38	Nguyễn Văn Đoàn	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
39	Tạ Khắc Hải	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
40	Trần Đức Cường	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
41	Trần Huyền Trang	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
42	Trần Thị Thu Hà	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
43	Trần Văn Thiệu	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
44	Trương Thị Thúy	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
45	Đỗ Trường Tính (Đỗ Văn Toản)	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
46	Đỗ Văn Mười	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
47	Đỗ Văn Trình	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
48	Đỗ Văn Tuấn	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
49	Đỗ Xuân Thực	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
50	Trần Văn Trụ	TDP Đậu 8B, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
51	Nguyễn Thị Phương	TDP Dẫy, Phường Ba Hàng, tỉnh Thái Nguyên	
52	Đào Thị Khánh	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
53	Dương Thị Thủy	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
54	Dương Thị Việt	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
55	Hà Quốc Nghi	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
56	Hồ Thị Hiền	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
57	Hồ Thị Thuận	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
58	Hoàng Thị Hợi	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
59	Hoàng Văn Đức	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
60	Hoàng Văn Dũng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
61	Hoàng Văn Ngọc	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
63	Hoàng Văn Tư	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
64	Hứa Thị Hiên	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
65	La Thị Hậu	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
66	La Thị Huyền	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
67	La Văn Hồng	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
68	La Văn Hợp (Vợ: Hoàng Thị May)	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
69	La Văn Hùng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
70	La Văn Khoa	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

71	La Văn Vui	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
72	Lê Anh Việt	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
73	Lê AnhViệt	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
74	Lê Duy Hải	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
75	Lê Thanh Khiết	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
76	Lê Thanh Khoa	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
77	Lê Thanh Phong	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
78	Lê Thị Hương	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
79	Lê Thị Liên	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
80	Lê Thị Linh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
81	Lê Văn Bình	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
82	Lê Văn Cảnh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
83	Lê Văn Dung	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
84	Lê Văn Giang	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
85	Lê Văn Hiến	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
86	Lê Văn Khôi	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
87	Lê Văn Lộc	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
88	Lê Văn Lợi	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
89	Lê Văn Sơn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
90	Lê Văn Tiến	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
91	Lê Văn Văn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
92	Lê Văn Vui	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
93	Lê Viết Hiệp	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
94	Lương Văn Huy	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
95	Lưu Văn Quang	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
96	Ngô Thị Việt	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
97	Nguyễn Ngọc Lý	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
98	Nguyễn Quang Tuấn	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
99	Nguyễn Thị Ca	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
100	Nguyễn Thị Cừ	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
101	Nguyễn Thị Hải	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
102	Nguyễn Thị Hằng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
103	Nguyễn Thị Lân	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
104	Nguyễn Thị Mỹ	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
105	Nguyễn Thị Sắc	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
106	Nguyễn Thị Thành	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
107	Nguyễn Thị Thảo	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

108	Nguyễn Thị Viễn	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
109	Nguyễn Thị Vinh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
110	Nguyễn Văn Giang	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
111	Nguyễn Văn Minh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
112	Nguyễn Văn Sáng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
113	Nguyễn Văn Tâm	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
114	Nguyễn Văn Thêm	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
115	Nguyễn Văn Thu	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
116	Nguyễn Văn Trung	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
117	Nguyễn Văn Tùng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
118	Nguyễn Văn Vinh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
119	Nguyễn Xuân Luận	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
120	Nguyễn Xuân Trường	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
121	NguyễnVăn Kiên	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
122	Phạm Thị Yến	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
123	Phạm Tiến Mạnh	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
124	Phạm Trung Toàn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
125	Phạm Văn Dũng	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
126	Phạm Văn Thành	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
127	Phó Đình Long	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
128	Phó Văn Kính	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
129	Lưu Văn Quang	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
130	Thuận Định	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
131	Trần Hữu Văn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
132	Trần Quang Tuấn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
133	Trần Thị Chúc	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
134	Trần Thị Cường	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
135	Trần Thị Hà	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
136	Trần Văn Hà	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
137	Trần Văn Lâm	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
138	Trần Văn Nam	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
139	Trần Văn Tuấn	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
140	Vũ Thị Bé	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
141	Vũ Thị Hương	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
142	Vũ Thưởng Thân	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
143	Đào Văn Hiếu	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
144	Đỗ Thị Tính	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

145	Đỗ Văn Viễn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
146	Dương Minh Ngọc	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
147	Dương Thanh Tuấn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
148	Dương Thị Duyên	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
149	Dương Văn Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
150	Dương Văn Hưng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
151	Dương Văn Kỳ	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
152	Dương Văn Sơn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
153	Dương Văn Trung	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
154	Dương Văn Xuân	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
155	Hồ Thuận Sơn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
156	Hồ Thuận Thắng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
157	Hồ Văn Sơn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
158	Khúc Thị Hiên	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
159	Lại Văn Tại	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
160	Lê Duy Cương	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
161	Lê Thị Dự	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
162	Lê Thị Lan	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
163	Lê Văn Đông	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
164	Lưu Thị Tư	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
165	Ngô Thị Bình	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
166	Ngô Thị Dần	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
167	Ngô Thị Hường	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
168	Ngô Thị Mão	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
169	Ngô Văn Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
170	Ngô Xuân Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
171	Nguyễn Hữu Thư	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
172	Nguyễn Mạnh Thủy	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
173	Nguyễn Thị Anh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
174	Nguyễn Thị Cảnh	TDP Hồ 2, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
175	Nguyễn Thị Dung	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
176	Nguyễn Thị Sách	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
177	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
178	Nguyễn Thị Việt	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
179	Nguyễn Văn Dần	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
180	Nguyễn Văn Hưng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
181	Nguyễn Văn Thao	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

182	Nguyễn Văn Thiện	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
183	Nguyễn Việt Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
184	Ông Nguyễn Văn Phương	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
185	Phạm Đình Dũng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
186	Phạm Thị Tích	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
187	Trần Bá Cung	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
188	Trần Bá Giang	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
189	Trần Quang Thái	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
190	Trần Thái Nam	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
191	Trần Thị Hoãn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
192	Trần Thị Hòe	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
193	Trần Thị Hường	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
194	Trần Thị Miễn	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
195	Trần Thị Minh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
196	Trần Thị Sửu	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
197	Trần Thúy Đậu	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
198	Trần Trọng Bình	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
199	Trần Trọng Hải Minh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
200	Trần Trọng Mùi	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
201	Trần Văn Nam	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
202	Trần Văn Bình	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
203	Trần Văn Dũng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
204	Trần Văn Hà	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
205	Trần Văn Hải	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
206	Trần Văn Hoàn-Dương Thị Tuyết	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
207	Trần Văn Khánh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
208	Trần Văn Khu	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
209	Trần Văn Khương	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
210	Trần Văn Lục	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
211	Trần Văn Mạnh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
212	Trần Văn Quyền	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
213	Trần Văn tùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
214	Trần Văn Vui	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
215	Trần Xuân Chính	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
216	Vũ Cường Thự	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
217	Vũ Hoàng Minh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
218	Vũ Sơn Hà	TDP Hồ 2, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

219	Vũ Thị Bắc	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
220	Vũ Thị Chung	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
221	Vũ Thị Tâm	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
222	Vũ Thị Thịnh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
223	Vũ Văn Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
224	Vũ Văn Hưng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
225	Vũ Văn Hữu	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
226	Vũ Văn Long	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
227	Vũ Văn Oanh	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
228	Vũ Xuân Hùng	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
229	Cao Văn Biên	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
230	Cao Việt Cường	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
231	Đỗ Đình Cận	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
232	Đỗ Thị Mai	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
233	Hoàng Thị Hồi	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
234	Hoàng Văn Võ	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
235	Lê Thị Ưa	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
236	Lưu Bá Oanh	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
237	Lưu Ngọc Hùng	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
238	Lưu Ngọc Hùng-Ngô Thị Hoan	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
239	Ngô Đăng Hòa	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
240	Ngô Văn Hành	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
241	Ngô Văn Ninh	TDP Lầy 5, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
242	Ngô Văn Tân	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
243	Ngô Văn Tân (Ngô Văn Tỉnh)	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
244	Ngô Văn Tỉnh	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
245	Ngô Văn Tính (Ngô Văn Tiến)	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
246	Ngô Văn Tú	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
247	Nguyễn Công Định	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
248	Nguyễn Hồng Khanh	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
249	Nguyễn Thị Oanh	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
250	Nguyễn Văn Chính	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
251	Nguyễn Văn Thắng	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
252	Nguyễn Văn Thanh	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
253	Phạm Văn Phú	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
254	Tạ Khắc Toản	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
255	Trần Thị Lan	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

256	Trần Văn Tợi	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
257	Vũ Thị Công	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
258	Hoàng Quốc Tuấn	TDP Phúc Long, TDP Phúc Long, Phường Bắc Sơn, tỉnh	
259	Dương Đức Toàn	TDP Thuận Đức 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
260	Dương Đức Thái	TDP Thuận Đức 2 , phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
261	Dương Thị Bích	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
262	Dương Thị Sinh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
263	Dương Thị Thu	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
264	Dương Văn Biên	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
265	Dương Văn Sợi	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
266	Dương Văn Thảo	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
267	Hoàng Phục Hưng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
268	Hoàng Quốc Bộ	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
269	Hoàng Văn Tình	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
270	Ngô Duy Hưng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
271	Ngô Thị Phượng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Chông Ngô Lê Đa (đã chết)
272	Nguyễn Thị Kim Khánh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Chồng: Ngô Phan Hải (đã chết)
273	Phạm Thị Thanh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Chồng Ngô Phan Toàn (đã chết)
274	Ngô Quang Ninh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
275	Ngô Thị Nhạn	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
276	Ngô Thị Phú	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
277	Ngô Thị Phượng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
278	Ngô Thị Tuyết	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
279	Ngô Văn Cương	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú TDP 3
280	Ngô Văn Dũng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
281	Ngô Văn Hùng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
282	Ngô Văn Quang	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
283	Ngô Văn Sang	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
284	Ngô Văn Xuân (Con Ngô Thị Liên)	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú lầy 6
285	Ngô Xuân Bắc	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
286	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Chằm 7C
287	Nguyễn Ngọc Sáu	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Thuận Đức 1
288	Nguyễn Thành Trung	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
289	Nguyễn Thế Mạnh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
290	Nguyễn Thị Chăm	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
291	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Chằm 7C
292	Nguyễn Thị Hương (Chồng Nguyễn	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

293	Nguyễn Thị Kim Huệ	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
294	Nguyễn Thị Kim Khánh (Chồng Ngô	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
295	Nguyễn Văn Hằng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
296	Nguyễn Xuân Hậu	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
297	Nguyễn Văn Lưu	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú phường Phổ Yên
298	Nguyễn Văn Mịch	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Hồ 2
299	Nguyễn Văn Tám	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
300	Nguyễn Văn Thống	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
301	Phạm Mậu Nghĩa	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Thuận Đức 1
302	Phạm Thanh Nga	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
303	Phạm Thị Bang	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
304	Phạm Thị Thanh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
305	Phạm Thị Thúy	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
306	Phạm Văn Trinh	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
307	Phạm Văn Xuất	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
308	Trần Ngọc Thân	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
309	Trần Thị Hoa	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
310	Trần Thị Khái	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	Thường trú Thuận Đức 1
311	Trần Thị Nguyên	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
312	Trần Thị Phong	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
313	Trần Văn Hưng	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
314	Trần Văn Kim	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
315	Trần Văn Quý	TDP Thuận Đức 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
316	Hồ Văn Trung	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

PHỤ LỤC

(Kèm theo thông báo số: 159/TB-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2026 của UBND phường Phúc Thuận)

STT	Thửa số	TBĐ	Trong ranh giới thu hồi (m2)	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
1	14	50	295,4			
2	92	0	236,8	DGT		
3	1	205	526,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
4	1	206	73,4	BCS	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
5	2	205	406,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
6	2	206	515,5	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
7	3	70	430,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
8	3	205	460,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
9	3	206	633,3	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
10	4	194	402,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
11	4	206	111,0	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
12	4	205	465,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
13	4	70	7199,6	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
14	5	70	463,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
15	5	206	398,6	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
16	5	205	255,9	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
17	6	205	366,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
18	6	206	770,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
19	6	70	426,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
20	7	206	503,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
21	7	205	630,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
22	7	70	755,2	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
23	8	205	563,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
24	8	206	573,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
25	8	194	34,9	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
26	8	70	60,6	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
27	9	194	270,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
28	9	205	187,2	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
29	10	206	666,7	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

30	10	70	2302,5	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
31	10	194	21,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
32	10	205	185,6	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
33	11	206	404,2	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
34	11	194	66,5	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
35	11	205	435,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
36	11	70	1238,7	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
37	12	70	622,9	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
38	12	205	2215,4	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
39	12	206	163,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
40	13	205	792,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
41	13	70	888,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
42	14	205	725,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
43	14	70	393,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
44	15	205	723,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
45	15	206	289,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
46	15	70	3914,7	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
47	16	205	639,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
48	16	206	315,4	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
49	16	70	126,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
50	17	205	108,1	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
51	17	206	347,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
52	17	70	1246,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
53	17	194	51,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
54	18	205	417,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
55	18	206	503,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
56	18	70	275,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
57	19	206	370,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
58	19	205	292,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
59	20	70	4939,6	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
60	20	194	0,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
61	20	206	207,5	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
62	20	205	401,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
63	21	204	1473,4	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
64	21	194	512,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
65	21	205	767,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
66	21	206	609,6	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

67	21	70	1825,3	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
68	22	194	385,2	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
69	22	205	766,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
70	22	206	1269,7	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
71	22	70	626,7	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
72	23	71	1192,0	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
73	23	70	390,3	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
74	23	206	336,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
75	23	205	756,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
76	24	70	364,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
77	24	206	597,3	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
78	24	205	603,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
79	25	205	208,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
80	25	206	172,3	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
81	25	194	403,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
82	25	70	302,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
83	25	12	992,3	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
84	26	206	55,6	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
85	26	70	10,4	DTL	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
86	26	205	540,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
87	27	205	189,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
88	27	70	101,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
89	27	194	603,7	SON	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
90	28	205	192,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
91	28	206	340,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
92	28	12	2067,5	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
93	28	71	6160,5	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
94	28	70	103,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
95	29	206	637,4	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
96	29	205	520,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
97	29	70	541,7	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
98	29	12	8893,0	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
99	30	206	53,7	DTL	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
100	30	12	3337,8	RSX	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
101	30	205	119,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
102	30	70	842,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
103	31	206	563,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

104	31	71	399,6	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
105	31	70	378,2	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
106	31	205	185,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
107	31	12	5709,9	RSX	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
108	32	205	546,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
109	32	206	670,4	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
110	32	70	624,8	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
111	32	12	633,3	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
112	33	206	469,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
113	33	205	736,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
114	33	70	2339,0	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
115	33	12	306,5	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
116	34	205	195,7	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
117	34	206	431,3	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
118	34	194	447,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
119	34	71	2687,1	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
120	34	70	137,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
121	34	12	2920,9	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
122	34	197	159,3	ODT+CLN	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
123	34	204	852,1	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
124	35	205	419,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
125	35	206	301,6	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
126	35	71	457,9	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
127	35	70	1097,8	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
128	35	194	620,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
129	35	204	465,4	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
130	35	197	132,3	ODT+CLN	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
131	36	206	730,2	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
132	36	205	545,9	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
133	36	70	131,9	DTL	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
134	36	12	68,7	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
135	36	197	142,1	ODT+CLN	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
136	37	206	242,4	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
137	37	205	221,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
138	37	70	399,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
139	37	197	70,3	ODT+CLN	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
140	37	194	337,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

141	38	206	561,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
142	38	205	158,6	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
143	38	12	1003,1	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
144	38	70	1260,8	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
145	39	205	550,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
146	39	206	691,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
147	39	70	2734,8	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
148	39	194	269,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
149	39	197	362,3	NTS	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
150	40	206	327,8	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
151	40	205	146,8	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
152	40	70	480,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
153	40	204	503,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
154	40	194	324,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
155	41	70	486,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
156	41	205	490,1	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
157	41	206	581,4	DTL	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
158	41	197	403,1	DGT	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
159	42	206	844,1	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
160	42	205	409,9	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
161	42	194	366,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
162	42	197	131,1	ODT+CLN	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
163	42	12	312,3	HNK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
164	43	206	324,5	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
165	43	205	748,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
166	43	70	524,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
167	43	197	28,1	LUC	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
168	43	194	693,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
169	44	205	317,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
170	44	206	199,2	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
171	45	71	70,4	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
172	45	12	161,7	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
173	45	205	390,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
174	45	206	628,9	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
175	46	206	453,0	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
176	46	205	354,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
177	46	12	1977,2	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

178	47	70	178,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
179	47	194	81,2	DTL	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
180	47	206	59,9	BCS	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
181	47	205	70,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
182	48	12	142,3	HNK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
183	48	194	525,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
184	48	206	273,2	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
185	48	205	203,8	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
186	49	205	391,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
187	49	194	226,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
188	49	206	255,7	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
189	50	12	951,2	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
190	50	205	350,7	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
191	50	71	2145,6	DGT	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
192	50	206	186,5	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
193	51	206	579,7	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
194	51	205	594,0	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
195	51	194	549,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
196	51	70	748,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
197	51	12	1160,3	HNK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
198	52	206	258,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
199	52	205	397,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
200	52	194	380,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
201	53	205	326,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
202	53	206	30,7	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
203	53	194	295,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
204	53	70	234,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
205	54	206	995,4	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
206	54	70	171,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
207	54	205	29,9	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
208	54	12	31491,7	RSX	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
209	55	206	220,7	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
210	55	205	106,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
211	55	12	3019,0	HNK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
212	55	204	746,6	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
213	56	206	301,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
214	56	205	744,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

215	56	70	585,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
216	56	12	655,3	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
217	56	204	336,0	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
218	57	194	228,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
219	57	70	357,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
220	57	12	1793,9	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
221	57	206	683,5	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
222	57	205	439,7	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
223	58	205	1071,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
224	58	206	304,1	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
225	58	194	329,8	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
226	58	12	2158,9	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
227	59	206	800,0	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
228	59	205	222,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
229	59	194	109,9	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
230	59	70	190,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
231	59	12	53,3	RSX	TDP Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
232	60	12	746,2	ODT	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
233	60	70	472,2	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
234	60	204	407,5	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
235	60	196	2,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
236	60	71	5425,5	CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
237	60	206	243,5	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
238	60	205	884,0	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
239	61	206	58,9	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
240	61	205	891,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
241	61	70	369,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
242	61	12	1737,1	RSX	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
243	62	205	183,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
244	62	194	96,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
245	62	12	2294,5	HNK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
246	63	12	1479,7	DGT	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
247	63	194	85,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
248	63	195	1159,4	NTS	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
249	63	196	324,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
250	63	205	254,1	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
251	64	205	425,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

252	64	206	20,6	LUC	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
253	64	194	131,8	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
254	64	71	1325,5	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
255	64	12	14659,9	ODT+CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
256	65	194	68,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
257	65	205	205,3	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
258	65	70	166,8	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
259	65	196	6,7	SON	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
260	65	12	498,4	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
261	66	194	75,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
262	66	205	713,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
263	66	206	353,3	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
264	66	12	555,0	LUK	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
265	67	194	97,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
266	67	205	243,7	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
267	67	206	90,2	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
268	67	12	215,4	RSX	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
269	67	195	20,8	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
270	68	206	138,5	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
271	68	205	623,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
272	68	194	66,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
273	68	70	84,9	DTL	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
274	68	12	27695,0	CLN	TDP Hồ 1, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
275	68	71	862,6	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
276	69	205	408,0	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
277	69	194	105,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
278	69	12	52846,2		TDP Lầy 5, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
279	69	204	421,6	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
280	69	195	96,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
281	70	12	898,2	CLN	TDP Lầy 5, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
282	70	194	80,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
283	70	196	788,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
284	70	205	619,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
285	70	70	139,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
286	71	12	3565,5	CLN	TDP Lầy 5, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
287	71	196	650,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
288	71	195	400,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

289	71	194	196,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
290	71	205	442,1	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
291	72	205	560,4	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
292	72	70	5159,9	ODT+CLN	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
293	72	12	1170,8	DGT	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
294	73	12	265,4	DTL	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
295	73	196	84,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
296	73	205	114,3	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
297	74	195	78,6	DGT	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
298	74	12	28185,8		TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
299	74	205	1047,0	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
300	74	204	277,5	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
301	74	70	215,4	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
302	75	12	1117,2	CLN	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
303	75	194	8,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
304	75	205	62,5	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
305	76	205	185,1	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
306	76	196	349,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
307	76	12	1237,5	HNK	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
308	77	205	338,9	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
309	77	194	236,8	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
310	77	195	156,4	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
311	77	71	499,9	HNK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
312	78	205	235,8	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
313	78	194	523,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
314	78	12	17,8	CLN	TDP Đậu 8A, Phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
315	78	196	317,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
316	78	195	504,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
317	78	204	208,8	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
318	79	205	245,0	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
319	79	194	286,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
320	79	195	546,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
321	79	196	63,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
322	80	205	529,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
323	80	194	282,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
324	80	204	229,1	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
325	81	194	236,5	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

326	81	195	390,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
327	81	205	1529,5	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
328	82	196	87,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
329	82	195	400,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
330	82	204	200,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
331	82	205	550,1	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
332	82	194	297,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
333	83	205	555,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
334	83	206	256,7	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
335	83	195	18,2	ODT+CLN	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
336	83	194	227,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
337	83	196	266,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
338	84	195	57,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
339	84	206	176,7	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
340	84	205	648,0	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
341	84	196	447,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
342	85	206	330,0	LUK	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
343	85	205	332,8	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
344	85	194	274,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
345	85	196	373,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
346	86	205	453,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
347	86	195	445,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
348	86	196	640,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
349	87	206	358,9	DGT	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
350	87	205	194,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
351	87	195	212,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
352	88	206	415,8	DGT	TDP Đậu 8A, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
353	88	205	575,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
354	88	196	528,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
355	88	195	920,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
356	88	204	50,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
357	89	194	1462,5	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
358	89	205	136,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
359	90	205	206,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
360	91	205	276,9	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
361	91	194	333,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
362	91	196	484,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

363	92	196	294,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
364	92	195	436,8	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
365	93	205	586,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
366	93	195	1607,2	DGT	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
367	94	205	375,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
368	94	194	127,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
369	94	70	8,1	NTS	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
370	94	195	394,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
371	95	205	1,4	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
372	95	195	348,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
373	95	196	426,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
374	96	205	549,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
375	96	196	169,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
376	96	195	529,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
377	97	194	165,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
378	97	205	653,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
379	97	195	345,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
380	97	196	565,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
381	98	195	108,6	ODT+CLN	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
382	98	205	745,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
383	98	194	414,7	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
384	98	204	39,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
385	98	196	16,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
386	99	195	399,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
387	99	204	220,9	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
388	99	205	1,5	BCS	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
389	99	194	422,7	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
390	100	205	1,3	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
391	101	205	965,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
392	101	195	146,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
393	101	196	354,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
394	102	195	334,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
395	102	205	119,9	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
396	102	196	433,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
397	102	194	223,2	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
398	103	195	208,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
399	103	196	194,9	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

400	103	194	27,9	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
401	104	196	173,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
402	104	205	778,2	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
403	105	205	5,9	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
404	105	195	206,8	DTL	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
405	105	196	128,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
406	106	196	257,2	SON	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
407	106	194	157,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
408	106	205	378,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
409	107	194	204,4	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
410	107	196	179,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
411	107	205	137,1	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
412	108	196	176,5	LUC	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
413	109	196	335,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
414	109	204	82,2	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
415	109	205	449,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
416	110	205	306,3	HNK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
417	110	195	151,3	DGT	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
418	110	196	284,2	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
419	111	195	454,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
420	111	196	415,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
421	111	205	540,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
422	112	194	386,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
423	112	195	398,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
424	113	205	381,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
425	113	196	936,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
426	113	195	205,9	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
427	114	195	528,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
428	115	195	262,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
429	115	196	594,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
430	115	204	171,1	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
431	116	195	230,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
432	116	204	51,8	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
433	116	205	539,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
434	116	196	668,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
435	117	195	366,2	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
436	117	194	246,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

437	118	196	105,7	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
438	118	195	574,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
439	119	194	417,2	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
440	119	195	102,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
441	119	205	101,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
442	120	205	32,5	LUC	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
443	120	196	676,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
444	121	196	521,9	LUC	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
445	121	195	78,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
446	121	205	675,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
447	121	197	1153,0	SON	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
448	122	194	271,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
449	122	195	332,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
450	122	205	875,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
451	122	196	287,4	LUC	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
452	123	194	342,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
453	123	195	388,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
454	123	196	284,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
455	124	195	163,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
456	124	194	604,5	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
457	124	196	1035,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
458	125	196	837,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
459	126	194	585,4	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
460	126	195	295,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
461	126	196	100,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
462	127	195	414,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
463	127	196	401,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
464	128	194	552,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
465	128	195	61,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
466	128	196	460,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
467	129	196	267,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
468	130	196	436,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
469	131	195	507,7	CLN	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
470	131	196	437,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
471	132	196	391,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
472	133	194	316,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
473	133	195	318,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

474	133	196	1560,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
475	134	194	131,2	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
476	134	195	505,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
477	134	205	467,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
478	134	196	386,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
479	135	205	122,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
480	135	194	91,2	HNK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
481	135	195	801,8	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
482	135	196	512,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
483	136	195	318,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
484	136	196	301,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
485	137	195	735,8	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
486	137	196	362,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
487	138	195	691,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
488	138	196	225,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
489	138	205	530,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
490	139	195	18,8	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
491	139	196	321,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
492	140	195	213,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
493	140	196	514,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
494	141	195	185,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
495	141	194	167,6	HNK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
496	141	196	701,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
497	142	196	237,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
498	142	205	242,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
499	142	195	645,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
500	143	196	556,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
501	143	195	351,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
502	143	194	533,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
503	144	196	114,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
504	144	195	156,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
505	144	194	637,7	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
506	145	196	143,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
507	145	195	252,8	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
508	146	205	553,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
509	146	196	466,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
510	146	195	392,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

511	147	196	231,5	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
512	147	194	237,4	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
513	147	195	385,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
514	148	196	285,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
515	148	194	164,5	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
516	148	195	705,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
517	149	205	0,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
518	149	196	83,9	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
519	150	195	357,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
520	150	194	461,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
521	150	196	495,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
522	151	195	538,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
523	151	194	312,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
524	151	196	346,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
525	152	194	405,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
526	152	196	106,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
527	152	195	415,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
528	153	195	48,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
529	153	194	589,5	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
530	153	196	517,0	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
531	154	195	246,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
532	154	196	631,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
533	154	204	1051,3	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
534	155	195	376,9	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
535	155	196	235,1	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
536	155	194	442,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
537	156	194	312,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
538	156	195	59,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
539	156	196	161,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
540	157	195	421,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
541	157	196	373,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
542	158	194	491,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
543	158	196	73,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
544	158	195	218,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
545	159	194	72,5	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
546	159	196	660,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
547	160	196	234,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

548	160	194	599,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
549	160	195	271,2	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
550	161	194	391,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
551	161	196	104,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
552	161	195	752,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
553	162	195	708,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
554	162	196	217,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
555	163	194	72,3	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
556	163	196	182,9	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
557	163	195	319,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
558	164	195	307,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
559	164	196	577,1	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
560	165	194	248,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
561	165	195	333,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
562	165	196	742,6	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
563	166	194	130,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
564	166	195	639,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
565	166	196	1385,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
566	167	195	20,2	SON	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
567	167	194	437,8	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
568	168	195	84,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
569	168	194	4290,8	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
570	168	196	390,6	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
571	169	195	121,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
572	169	194	450,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
573	170	195	740,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
574	170	194	359,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
575	170	196	128,1	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
576	171	195	129,7	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
577	171	196	162,7	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
578	172	194	333,5	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
579	172	195	354,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
580	173	194	527,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
581	173	195	241,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
582	174	194	388,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
583	174	195	333,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
584	175	195	319,8	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

585	175	194	396,4	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
586	176	194	697,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
587	176	195	94,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
588	177	194	165,7	DTL	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
589	177	195	316,8	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
590	178	194	229,1	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
591	178	195	387,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
592	179	194	482,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
593	179	195	388,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
594	180	195	619,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
595	181	195	100,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
596	181	194	374,4	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
597	182	195	320,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
598	183	195	86,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
599	183	194	328,4	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
600	184	195	628,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
601	184	194	266,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
602	185	195	155,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
603	185	194	151,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
604	186	194	500,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
605	186	195	265,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
606	187	195	420,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
607	188	195	360,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
608	188	194	350,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
609	189	195	89,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
610	190	195	230,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
611	190	194	296,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
612	191	195	118,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
613	191	194	612,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
614	192	194	321,9	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
615	192	195	48,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
616	193	195	167,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
617	194	195	249,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
618	194	194	827,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
619	195	195	33,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
620	196	195	394,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
621	196	194	222,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

622	197	194	478,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
623	197	195	301,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
624	198	194	491,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
625	198	195	231,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
626	199	195	248,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
627	200	205	281,5	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
628	200	194	873,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
629	200	195	722,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
630	201	205	267,9	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
631	201	194	667,1	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
632	201	195	886,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
633	202	194	376,7	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
634	202	195	477,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
635	202	205	44,3	DTL	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
636	203	195	369,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
637	203	194	317,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
638	203	205	1065,2	DTL	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
639	204	195	2827,4	DGT	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
640	204	205	59,7	DTL	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
641	205	195	370,6	DGT	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
642	205	194	527,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
643	205	205	80,4	DTL	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
644	206	195	231,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
645	206	194	591,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
646	206	205	1391,9	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
647	207	194	706,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
648	207	195	418,5	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
649	208	194	599,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
650	208	195	384,7	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
651	209	194	459,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
652	209	195	470,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
653	210	195	368,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
654	211	195	286,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
655	212	195	1272,5	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
656	212	194	663,1	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
657	213	195	465,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
658	213	194	364,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

659	214	195	323,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
660	215	194	377,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
661	215	195	80,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
662	216	195	276,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
663	217	194	300,5	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
664	217	195	621,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
665	218	194	762,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
666	218	195	944,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
667	219	195	107,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
668	220	194	439,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
669	220	195	354,9	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
670	221	195	1049,4	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
671	221	194	476,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
672	222	195	842,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
673	222	194	231,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
674	223	195	698,9	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
675	224	194	833,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
676	224	195	316,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
677	225	194	48,2	DTL	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
678	225	195	3998,1	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
679	226	194	183,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
680	226	195	272,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
681	227	195	337,1	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
682	227	194	260,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
683	228	195	442,8	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
684	229	195	123,6	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
685	230	195	351,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
686	231	195	590,1	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
687	231	194	94,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
688	232	195	468,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
689	232	194	417,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
690	233	195	164,2	NTS	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
691	234	195	445,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
692	235	195	33,2	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
693	236	195	403,2	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
694	237	195	154,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
695	238	195	141,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

696	238	194	348,1	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
697	239	195	662,3	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
698	240	194	361,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
699	240	195	434,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
700	241	195	5160,4	SON	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
701	242	195	147,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
702	243	195	2417,5	ODT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
703	244	195	167,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
704	245	195	231,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
705	246	195	353,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
706	247	195	201,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
707	248	195	289,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
708	249	195	189,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
709	250	195	127,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
710	251	195	260,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
711	252	195	952,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
712	253	195	182,5	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
713	254	195	197,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
714	255	195	134,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
715	256	195	300,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
716	257	195	252,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
717	258	195	290,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
718	258	60	2,5	HNK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
719	259	195	268,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
720	260	195	363,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
721	261	195	456,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
722	262	195	155,0	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
723	263	195	493,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
724	264	195	211,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
725	265	195	426,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
726	265	60	0,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
727	266	195	383,1	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
728	267	195	152,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
729	267	60	1472,2	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
730	268	195	1985,2	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
731	268	60	241,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
732	269	60	525,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

733	269	195	356,3	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
734	270	195	582,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
735	270	60	276,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
736	271	195	574,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
737	271	60	340,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
738	272	195	245,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
739	272	60	150,7	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
740	273	60	93,4	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
741	273	195	688,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
742	274	195	296,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
743	274	60	337,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
744	275	60	415,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
745	275	195	493,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
746	276	195	852,7	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
747	276	60	156,7	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
748	277	195	228,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
749	278	195	266,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
750	278	60	335,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
751	279	195	279,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
752	279	60	3855,3	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
753	280	60	422,0	NTS	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
754	280	195	253,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
755	281	60	7553,4	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
756	281	195	366,7	BCS	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
757	282	60	412,5	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
758	282	195	112,8	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
759	283	60	203,0	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
760	283	195	136,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
761	284	60	369,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
762	284	195	1796,2	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
763	285	60	289,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
764	285	195	258,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
765	285	179	58,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
766	286	60	118,6	DTL	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
767	286	195	775,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
768	287	195	314,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
769	287	60	308,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

770	288	195	154,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
771	288	60	441,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
772	289	195	36,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
773	290	179	88,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
774	290	195	145,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
775	291	179	108,6	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
776	291	195	484,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
777	291	60	433,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
778	292	60	4,9	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
779	292	195	365,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
780	293	60	388,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
781	293	195	410,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
782	294	60	28,1	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
783	294	195	265,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
784	295	195	812,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
785	295	60	54,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
786	296	195	110,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
787	296	60	3722,6	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
788	297	195	195,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
789	297	60	37,7	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
790	298	60	249,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
791	298	195	225,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
792	299	195	526,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
793	299	179	75,7	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
794	300	60	425,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
795	300	195	500,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
796	301	195	505,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
797	302	195	319,0	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
798	302	60	305,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
799	303	60	550,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
800	303	195	300,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
801	304	60	1129,9	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
802	304	195	266,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
803	305	195	181,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
804	305	60	325,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
805	306	60	78,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
806	306	195	3825,6	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

807	307	60	764,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
808	307	195	428,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
809	308	60	43,5	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
810	308	195	307,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
811	309	60	420,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
812	309	195	364,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
813	310	195	582,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
814	310	60	739,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
815	311	60	11,3	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
816	311	195	578,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
817	311	204	333,3	LUK	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
818	312	195	195,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
819	312	60	589,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
820	313	60	1376,0	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
821	313	195	2699,4	ODT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
822	314	195	331,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
823	314	194	82,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
824	314	60	632,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
825	315	60	165,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
826	315	195	476,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
827	316	195	448,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
828	316	204	28,7	CLN	TDP Lầy 5, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
829	317	60	309,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
830	317	195	389,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
831	318	195	287,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
832	318	60	519,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
833	318	194	120,0	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
834	319	195	415,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
835	319	194	559,9	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
836	320	60	254,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
837	320	194	173,3	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
838	320	195	253,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
839	321	195	163,1	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
840	322	60	273,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
841	322	195	408,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
842	323	60	413,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
843	323	195	422,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

844	324	60	479,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
845	324	195	797,1	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
846	325	60	763,5	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
847	325	195	481,8	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
848	326	60	95,5	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
849	326	195	115,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
850	326	194	717,4	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
851	327	195	300,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
852	328	60	395,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
853	328	195	297,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
854	329	195	297,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
855	329	60	9176,4	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
856	330	195	251,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
857	330	60	6040,4	CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
858	331	60	510,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
859	331	195	209,3	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
860	332	60	474,2	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
861	332	195	1000,1	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
862	333	60	294,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
863	333	195	361,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
864	334	60	121,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
865	334	195	237,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
866	335	195	340,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
867	336	195	434,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
868	336	60	226,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
869	337	195	55,2	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
870	337	60	204,4	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
871	338	60	226,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
872	338	195	605,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
873	339	60	411,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
874	339	195	368,9	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
875	340	195	566,7	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
876	340	194	62,7	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
877	341	194	221,1	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
878	341	60	241,1	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
879	341	195	3936,9	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
880	342	194	278,7	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

881	342	195	853,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
882	342	60	398,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
883	343	195	138,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
884	343	194	1068,6	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
885	344	195	119,1	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
886	344	194	60,8	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
887	345	194	97,2	LUC	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
888	345	195	25,6	BCS	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
889	345	60	451,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
890	346	195	243,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
891	346	194	0,9	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
892	347	60	375,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
893	347	195	299,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
894	348	195	221,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
895	348	60	341,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
896	349	60	232,2	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
897	350	195	963,1	NTS	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
898	350	60	299,4	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
899	351	60	28,4	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
900	352	195	212,4	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
901	352	60	386,6	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
902	353	60	256,5	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
903	353	195	77,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
904	354	195	380,0	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
905	354	60	5809,3	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
906	355	195	85,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
907	355	60	473,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
908	356	60	127,8	DGT	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
909	356	195	469,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
910	357	60	0,6	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
911	357	195	209,2	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
912	358	60	27,1	DGT	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
913	359	195	72,7	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
914	360	195	234,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
915	361	195	102,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
916	362	195	162,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
917	365	195	129,0	HNK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

918	369	195	141,1	HNK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
919	370	195	23,8	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
920	371	195	25,5	LUK	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
921	373	60	449,0	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
922	374	60	833,6	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
923	375	60	662,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
924	376	195	146,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
925	376	60	436,8	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
926	377	195	30,0	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
927	377	60	396,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
928	378	60	147,6	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
929	378	195	132,3	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
930	379	60	265,0	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
931	379	195	167,6	LUC	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
932	380	60	757,2	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
933	380	195	291,5	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
934	381	60	20,8	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
935	381	195	106,6	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
936	382	60	27,3	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
937	382	195	65,7	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
938	383	60	17,0	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
939	383	195	257,9	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
940	384	195	169,3	LUC	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
941	385	60	0,5	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
942	385	195	108,7	DTL	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
943	386	60	44,2	HNK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
944	386	195	707,5	DTL	TDP Hồ 2, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
945	390	60	57,9	LUK	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
946	428	70	628,4	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
947	438	70	483,1	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
948	467	70	3005,1	ODT+CLN	TDP Thuận Đức, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
949	468	70	1553,7	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
950	469	70	584,8	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
951	470	70	856,0	LUK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
952	657	61	605,3	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
953	683	61	83,4	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
954	696	61	273,1	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	

955	702	61	264,8	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
956	705	61	185,8	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
957	707	61	219,3	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
958	708	61	615,6	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
959	709	61	467,7	HNK	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
960	710	61	375,0	CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
961	711	61	2568,9	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
962	712	61	2898,3	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
963	713	61	5257,5	ODT+CLN	TDP Hồ 1, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
964	774	61	1,7	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
965	776	61	318,2	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
966	777	61	280,8	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
967	778	61	764,4	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	
968	779	61	1049,5	HNK	TDP Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên	